

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Căn cứ Nghị định 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định quy định về danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng được hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính

phủ bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (gọi tắt là doanh nghiệp).

2. Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương (sau đây gọi là tổ chức quản lý, kinh doanh nhà) là tổ chức được Ủy ban nhân dân các cấp giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất.

Điều 3. Danh mục tài sản công cho thuê

Danh mục tài sản công cho thuê bao gồm nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương để cho thuê theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Tiêu chí cho doanh nghiệp thuê nhà, đất là tài sản công

1. Đảm bảo cho thuê theo đúng đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

2. Doanh nghiệp đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thuê nhà, đất là tài sản công.

3. Việc sử dụng nhà, đất là tài sản công của doanh nghiệp phải bảo đảm hiệu quả, đúng công năng, đúng mục đích sử dụng và tuân thủ quy định của pháp luật; nội dung sử dụng phải được thể hiện đầy đủ, cụ thể trong hồ sơ đăng ký thuê nhà, đất là tài sản công.

Điều 5. Mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ

Mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Nguyên tắc hỗ trợ

Nguyên tắc hỗ trợ các đối tượng được hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Trình tự, thủ tục cho thuê nhà

Trình tự, thủ tục cho thuê nhà thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

Điều 8. Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê nhà

Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê nhà thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- TT. Thành ủy; TT. HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND xã, phường;
- Đơn vị sự nghiệp công lập;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**